

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 184/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 14/6/2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoàn.

Bà Mai Thị Thảo.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 198/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 146/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Họa M, sinh năm 1985.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã T huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Vương quốc A.

Người được chị M ủy quyền về việc giao nhận văn bản: Ông Lê Văn T, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Vũ Văn H, sinh năm 1983,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã T huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Hàn Quốc.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Vũ Thành T1, sinh năm 1957; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

(Các đương sự vắng mặt và đều đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Lê Thị Hòa M trình bày: Chị và anh Vũ Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 07/12/2004. Vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế khó khăn nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã. Cuối năm 2014 chị đi lao động tại Vương quốc Anh, năm 2016 anh H đi lao động tại Hàn Quốc. Thời gian đầu thỉnh thoảng vợ chồng có liên lạc với nhau nhưng do xa cách nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần, sau đó anh chị vẫn giữ liên lạc nhưng không còn quan tâm đến nhau mà chủ yếu liên lạc là vì con cái. Kể từ năm 2019 cho đến nay anh chị chấm dứt, không liên lạc với nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Vũ Khánh L, sinh ngày 19/8/2005; Vũ Quỳnh A, sinh ngày 12/12/2007 và Vũ Việt H1, sinh ngày 15/12/2009. Hiện con Vũ Quỳnh A đang sống cùng chị và đang theo học tại Vương quốc Anh nên chị đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con Vũ Quỳnh A cho đến khi con thành niên. Con Vũ Khánh L và con Vũ Việt H1 ở với anh H và ở với ông bà nội từ nhỏ. Con Vũ Khánh L bị bại não, không có khả năng lao động, sống phụ thuộc vào gia đình và được hưởng bảo trợ xã hội là 1.140.000đ/tháng. Thông qua bố mẹ chồng chị được biết anh H có nguyện vọng được chăm sóc và nuôi dưỡng hai con Vũ Khánh L và Vũ Việt H1. Do vậy, chị đề nghị giao con Vũ Khánh L và con Vũ Việt H1 cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên, đối với con Vũ Khánh L anh H tiếp tục có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự phục vụ bản thân, chị có trách nhiệm cùng anh chăm sóc con Vũ Khánh L cho đến khi con có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự phục vụ bản thân. Trong thời gian anh H không có mặt tại Việt Nam, chị nhất trí để ông Vũ Thành T1 tiếp tục chăm sóc các cháu cho đến khi anh H về nước. Hàng tháng chị vẫn gửi tiền về cho ông T1 nuôi dưỡng hai con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị M đang lao động tại Vương quốc Anh nên chị ủy quyền cho ông Lê Văn T thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Do chị M không cung cấp được địa chỉ của anh H nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh H. Ông Vũ Thành T1 (bố đẻ anh H) trình bày: Ông không biết địa chỉ cụ thể của anh H ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh H vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại. Ông đồng ý nhận văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh H biết, thông qua gia đình anh H xác định vợ chồng sống ly thân từ lâu, tình cảm vợ chồng không còn, chị M xin ly hôn, anh nhất trí. Anh xác định vợ chồng có 03 con chung như chị M trình bày là đúng, con Vũ Khánh L bị bại não từ nhỏ, không có khả năng lao động, sống phụ thuộc vào gia đình và được Nhà nước trợ cấp bảo trợ xã hội là 1.140.000đ/tháng; con Vũ Quỳnh A đang học tập, sinh sống cùng chị M tại Vương quốc Anh; con Vũ Khánh L và Vũ Việt H1 đang ở với gia đình anh. Anh H đề nghị được chăm sóc nuôi dưỡng con Vũ Khánh L và con Vũ Việt H1 cho đến khi các con đủ 18 tuổi và cho đến khi con Vũ Khánh L có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự phục vụ bản thân, nhất trí để chị M được chăm sóc, nuôi dưỡng con Vũ Quỳnh A cho đến khi con đủ 18 tuổi, anh chị tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam, anh ủy quyền cho ông Vũ Thành T1 thay anh chăm sóc con Vũ Khánh L và Vũ Việt H1 cho đến khi anh về nước, anh H có trách nhiệm gửi tiền về cho ông nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu. Tài sản chung không có nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung của chị M, anh H là cháu Vũ Việt H1 có nguyện vọng được ở với anh H và ông T1.

Cháu Vũ Khánh L bị bại não từ nhỏ, có sở lĩnh tiền trợ cấp xã hội hàng tháng, cháu không biết chữ; cháu Vũ Quỳnh A đang sinh sống tại Vương quốc Anh nên không có quan điểm thể hiện.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi chị M, anh H kết hôn và sinh sống thể hiện: Chị M và anh H có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do kinh tế còn khó khăn. Năm 2014 chị M đi lao động ở nước ngoài, năm 2016 anh H cũng đi nước ngoài nhưng mỗi người ở một nước, vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi không có sự quan tâm, gắn bó. Nay chị M có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết. Chị M và anh H có 03 con chung là Vũ Khánh L, Vũ Quỳnh A và Vũ Việt H1, cháu Vũ Quỳnh A đang sống cùng chị M tại Vương quốc Anh nên không có mặt tại địa phương. Cháu Vũ Khánh L và Vũ Việt H1 đang ở cùng ông nội là ông Vũ Thành T1, cháu Vũ Khánh L bị bại não từ

nhỏ, không có khả năng lao động, sống phụ thuộc vào gia đình và được Nhà nước trợ cấp hàng tháng là 1.140.000đ đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Hòa M được ly hôn anh Vũ Văn H. Về con chung: Giao con chung Vũ Quỳnh A, sinh ngày 12/12/2007 cho chị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung Vũ Khánh L, sinh ngày 19/8/2005 và Vũ Việt H1, sinh ngày 15/12/2009 cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi và cho đến khi con Vũ Khánh L có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự phục vụ bản thân. Trong thời gian anh H không có mặt tại Việt Nam, anh chị nhất trí giao cháu Vũ Khánh L và cháu Vũ Việt H1 cho ông Vũ Thành T1 chăm sóc cho đến khi anh H về nước. Chị M phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Hòa M, bị đơn anh Vũ Văn H có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh thôn T, xã T huyện T, tỉnh Hải Dương; hiện chị M đang sinh sống ở V A, anh H đang sinh sống tại Hàn Quốc. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù chị M không có mặt ở Việt Nam nhưng chị đã gửi đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho ông Lê Văn T thay chị giao, nhận văn bản tại Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Đơn của chị đã được UBND xã T chứng thực. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định quan điểm ly hôn của chị là hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị M không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh H. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh H cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông T1 là bố đẻ anh H để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị M và anh H đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Ông T1 vẫn liên lạc với anh H và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị M và anh H. Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt và đều có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều

238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Hòa M và anh Vũ Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 07/12/2004 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh chị thường xảy ra mâu thuẫn. Năm 2014 chị M đi lao động tại Vương quốc Anh, năm 2016 anh H đi lao động tại Hàn Quốc, vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi không có sự quan tâm gắn bó, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần và không còn. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Gia đình hai bên nhiều lần khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả, chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Thông qua gia đình anh H cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng sống ly thân từ lâu, chị M xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị M và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị Hòa M và anh Vũ Văn H có 03 con chung là Vũ Khánh L, sinh ngày 19/8/2005; Vũ Quỳnh A, sinh ngày 12/12/2007 và Vũ Việt H1, sinh ngày 15/12/2009, hiện con Vũ Quỳnh A đang ở với chị M tại Vương quốc Anh, con Vũ Khánh L và Vũ Việt H1 đang ở với ông Vũ Thành T1, con Vũ Khánh L bị bại não từ nhỏ, không có khả năng lao động, sống phụ thuộc vào gia đình và được hưởng bảo trợ xã hội là 1.140.000đ/tháng. Chị M và anh H cùng thống nhất giao con chung Vũ Quỳnh A cho chị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung Vũ Khánh L và Vũ Việt H1 cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi) và cho đến khi con Vũ Khánh L có khả năng lao động, có tài sản để tự phục vụ bản thân, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh H không có mặt tại Việt Nam, chị M và anh H cùng thống nhất để ông Vũ Thành T1 chăm sóc con Vũ Khánh L và Vũ Việt H1 cho đến khi anh H về nước. Cháu Vũ Việt H1 cũng có nguyện vọng được ở với anh H và ông T1. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do vậy, cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị giao con chung Vũ Quỳnh A cho chị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên; giao con chung Vũ Khánh L và Vũ Việt H1 cho anh H tiếp tục được chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi) và cho đến khi con Vũ Khánh L có khả năng lao động, có tài sản để tự phục vụ bản thân, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Tạm giao con Vũ Khánh L và Vũ Việt H1 cho ông Vũ Thành T1 chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh H không có mặt tại Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị M, anh H cùng xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Lê Thị Họa M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Họa M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Họa M ly hôn anh Vũ Văn H.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Lê Thị Họa M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vũ Quỳnh A, sinh ngày 12/12/2007; giao cho anh Vũ Văn H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vũ Khánh L, sinh ngày 19/8/2005 và Vũ Việt H1, sinh ngày 15/12/2009 cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi) và cho đến khi con Vũ Khánh L có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự phục vụ bản thân. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Tạm giao con Vũ Khánh L và Vũ Việt H1 cho ông Vũ Thành T1 chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh H không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Họa M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000625 ngày 17/4/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do ông Lê Văn T nộp thay). Chị M đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Họa M và anh Vũ Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, ông Vũ Thành T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Tân Trào, huyện Thanh

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Miện, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

Nguyễn Xuân Trường